TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày: 29/6/2022
V/v: Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Võ Thị Điệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 514/2021/TLST-DS ngày 20/12/2021 về việc: "Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-DS ngày 13/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2022/QĐST-DS ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Kim T, sinh năm 1982 – Chủ Hộ kinh doanh Mai Thị Kim T;

Địa chỉ: Số C, khu phố B, khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng Vũ Trường G, sinh năm 1982; địa chỉ: Số C, C, phường C, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/01/2022.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2021 của nguyên đơn bà Mai Thị Kim T, sinh năm 1982 – Chủ Hộ kinh doanh Mai Thị Kim T và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng Vũ Trường G, trình bày như sau: Bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Văn T1 có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau. Đến ngày 01/01/2021, ông T1 còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của Đại lý thức ăn chăn nuôi Kim T là 1.972.533.000 đồng (Một tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng); ngày 17/3/2021, ông T1 có mua thức ăn chăn nuôi nợ thêm số tiền là 38.750.000 đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng); ngày 20/3/2021 ông T1 tiếp tục mua thức ăn chăn nuôi nợ lại thêm số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Ngày 25/3/2021, ông T1 có thanh toán cho bà T số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 380.000.000đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng). Đến ngày 31/5/2021, ông T1 có xác nhận còn nợ lại tổng cộng là 1.671.283.000đồng (Một tỷ, sáu trăm bảy mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn đồng). Trong xác nhận ông T1 xác nhận nợ Đại lý K nhưng thực tế là nợ Chủ hộ Kinh doanh Mai Thị Kim T. Kể từ thời điểm xác nhận đến nay ông T1 không trả nợ cho bà T khoản nào. Bà T có đến nhà nhiều lần để đòi nợ, nhưng ông T1 vẫn không chịu trả, ông tìm mọi lý do để không trả nợ.

Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Q có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ tổng cộng là 1.671.283.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm bảy mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn đồng) và phải trả thêm khoản lãi theo quy định pháp luật tính từ tháng 01 năm 2021 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Q có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ tổng cộng là 1.671.283.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất.

* Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Q đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng minh nhân dân (bản sao), Hợp đồng ủy quyền ngày 19/01/2022, Biên bản đối chiếu công nợ có thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1]Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới trả số tiền còn nợ do mua bán thức ăn chăn nuôi và yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Q được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị Kim T và đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị Kim T là ông Nguyễn Hoàng Vũ Trường G yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị Kim T số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 1.671.283.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Văn T1 có thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi cá với nhau, tính đến ngày 31/5/2021, ông T1 còn nợ bà T số tiền 1.671.283.000 đồng, mục đích ông T1, mua thức ăn nuôi cá là để kiếm thêm thu nhập, tiêu xài chung trong gia đình. Việc mua bán thức ăn nuôi cá đã được bà T chứng minh bằng biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký của ông T1.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho ông T1, bà Q. Tuy nhiên, ông T1 và bà Q vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên đương sự là có thật nên việc nguyên đơn yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi cá còn thiếu là

1.671.283.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Mặc dù quá trình mua bán và Giấy xác nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp chỉ thể hiện có một mình ông T1 mua bán và ký tên nhưng tại thời điểm mua bán thì ông T1 và bà Q là vợ chồng và đang sống chung với nhau, việc mua thức ăn chăn nuôi để phục vụ chăn nuôi là nhằm tạo ra kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; vợ ông T1 là bà Huỳnh Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông T1 trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn là phù hợp. Do đó, chị T - Chủ hộ kinh doanh Mai Thị Kim T yêu cầu ông T1 và bà Q có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 1.671.283.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu về lãi suất, bà T không yêu cầu ông T1 và bà Q phải trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Kim T - Chủ hộ kinh doanh Mai Thị Kim T.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu số tiền án phí đối với số tiền 1.671.283.000 đồng là 62.138.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**** Tuyên xử*:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Kim T - Chủ hộ kinh doanh Mai Thị Kim T.

- Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Q có trách nhiệm liên đới phải trả cho bà Mai Thị Kim T - Chủ hộ kinh doanh Mai Thị Kim T số tiền mua thức ăn còn thiếu là 1.671.283.000 đồng (mộ tỷ sáu trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 62.138.000 đồng ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Q có trách nhiệm liên đới chịu.

+ Bà Mai Thị Kim T - Chủ hộ kinh doanh Mai Thị Kim T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.069.000 đồng theo biên lai số 0007083 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghịa vụ liên quan có quyền kháng

cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trung Dũng